



**TIỂU LUẬN:**

**Kê toán nguyên vật liệu tại  
Công ty TNHH in Việt-Hàn**

## Lời giới thiệu

Việt Nam sẽ ra nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO) trong tháng 10 tới, các rào cản sẽ dần dần bị xoá bỏ theo các cam kết đàm phán song phương và đa phương với các nước, trong xu thế hội nhập kinh tế Việt Nam với nền kinh tế thế giới, sẽ tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam phát triển, vươn lên để tự khẳng định vị trí của mình trên thị trường. Tuy nhiên, các doanh nghiệp cũng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn và thử thách bởi cạnh tranh sẽ khốc liệt hơn. Muốn đứng vững trên thị trường, các doanh nghiệp buộc phải tìm ra cho mình những phương án kinh doanh hợp lý cũng như có được một bộ máy quản lý hoạt động hiệu quả. Với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, yếu tố nguyên, vật liệu là cơ sở vật chất chủ yếu hình thành nên sản phẩm. Chi phí nguyên, vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm. Nguyên, vật liệu là yếu tố đặc biệt quan trọng, mỗi sự biến động về chi phí nguyên, vật liệu sẽ làm ảnh hưởng đến sự biến động của giá thành sản phẩm, ảnh hưởng đến sự cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Vì vậy, việc tổ chức tốt công tác quản lý và hoạch toán tốt về chi phí nguyên, vật liệu không những đảm bảo cho việc tính toán đúng giá thành mà còn là biện pháp không thể thiếu để phấn đấu tiết kiệm chi phí sản xuất và giảm giá thành sản phẩm, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm với các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Hiện nay, chế độ kế toán hiện hành đã có những văn bản quy định rất chi tiết về hoạch toán nguyên, vật liệu nhằm hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện tốt việc hạch toán, đảm bảo việc quản lý và sử dụng nguyên vật liệu hiệu quả, tránh lãng phí. Tuy nhiên, ở từng doanh nghiệp do đặc thù về hoạt động sản xuất kinh doanh có khác nhau nên việc áp dụng chế độ và công tác hoạch toán có nhiều khác biệt. Mỗi doanh nghiệp có một phương pháp vận dụng riêng tùy theo quy mô hoạt động và khả năng của mình. Cũng chính vì thế mà tình hình hoạch toán nguyên vật liệu ở mỗi doanh nghiệp đều có những ưu điểm cần phát huy và những tồn tại, nhược điểm cần hoàn thiện hơn.

Chính vì lý do đó mà em đã chọn đề tài “**Kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH in Việt-Hàn**” để làm báo cáo nghiệp vụ trong thời gian em tham gia thực

tập tại công ty. Qua việc lựa chọn đề tài, em muốn được đi sâu và tìm hiểu rõ hơn về hoạch toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH In Việt-Hàn nhằm vận dụng kiến thức đã được học ở trường vào thực tế và làm quen với môi trường kinh doanh phục vụ cho công việc sau này.

## **Chương 1**

### **Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH in Việt -Hàn**

#### **1.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.**

Xuất phát từ đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty, bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung. Toàn bộ công việc kế toán được thực hiện tập trung tại phòng kế toán của công ty. Dưới các phân xưởng không tổ chức bộ máy kế toán riêng mà bố trí các tổ trưởng làm nhiệm vụ hướng dẫn, ghi chép chứng từ, số liệu phát sinh. Sau đó chuyển về phòng kế toán để xử lý và tiến hành công việc hạch toán.

Có thể nói, phòng kế toán là trợ lý đắc lực cho giám đốc và ban lãnh đạo của công ty trong việc đưa ra các quyết định trong kế hoạch sản xuất kinh doanh. Các nhân viên kế toán của công ty đều được đào tạo có trình độ đại học và trung cấp nên có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, phù hợp với nhiệm vụ và nhu cầu công việc.

Xuất phát từ tình hình thực tế và yêu cầu quản lý của công ty, bộ máy kế toán gồm ba người.

##### ***1.1.1. Kế toán trưởng.***

Kế toán trưởng là người giúp việc đắc lực cho giám đốc, chịu trách nhiệm về công tác chuyên môn của bộ phận kế toán trước cấp trên và chấp hành pháp luật, thể lệ chế độ tài chính kế toán về vốn, huy động vốn. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức bộ máy kế toán của công ty đảm bảo gọn nhẹ, phù hợp với tổ chức sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý. Kế toán trưởng phải lựa chọn hình thức sổ kế toán, tổ chức sử dụng vốn có hiệu quả, khai thác khả năng tiềm tàng, cung cấp các thông tin về tình hình tài chính một cách chính xác, kịp thời và toàn diện cho giám đốc, tham mưu cho giám đốc ra các quyết định kinh doanh.

Trong công ty, kế toán trưởng còn kiêm các phần việc sau:

+ Kế toán tài sản cố định: Theo dõi tình hình tăng giảm, khấu hao tài sản cố định, lập bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định.

+ Kế toán nguyên vật liệu chính (Giấy): Theo dõi tình hình nhập-xuất- tồn kho nguyên vật liệu chính (Giấy), mở sổ chi tiết và sổ tổng hợp nguyên vật liệu chính.

+ Kế toán tổng hợp: Tập hợp chi phí sản xuất từ các bộ phận kế toán có liên quan, phân bổ chi phí cho các đối tượng sử dụng, tính giá thành từng loại sản phẩm và xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ, ghi sổ nhật ký chung các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ vào sổ cái các tài khoản liên quan. Cuối kỳ lập bảng cân đối số phát sinh và các báo cáo tài chính.

### ***1.1.2. Kế toán tiêu thụ và theo dõi thanh toán.***

Có nhiệm vụ vào sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ liên quan đến kế toán tiêu thụ và thanh toán. Viết hoá đơn, theo dõi doanh thu bán hàng, theo dõi các khoản thanh toán thu chi trong và ngoài xí nghiệp như: Thanh toán với người mua, người bán, thanh toán bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, quyết toán thuế giá trị gia tăng. Kiểm tra và theo dõi công tác thanh toán của xí nghiệp, rà soát các khoản tạm ứng cần phải thu, từ đó giúp cho người giám đốc và ban lãnh đạo quản lý tốt tình hình tài chính của công ty.

Kế toán tiêu thụ kiêm kế toán tiền vay, kiểm tra và đối chiếu sổ nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền với thủ quỹ. Kiểm tra và theo dõi công tác thanh toán của doanh nghiệp, rà soát các khoản tạm ứng cần phải thu, từ đó giúp cho giám đốc quản lý chặt chẽ hơn tình hình tài chính của doanh nghiệp. Kế toán thanh toán cũng là người phản ánh kịp thời, đầy đủ về số lượng hiện có và tình hình biến động của tiền gửi ngân hàng, kiểm tra chế độ thu, chi của tiền gửi ngân hàng. Ngoài ra kế toán thanh toán còn theo dõi vật tư của khách hàng gửi gia công.

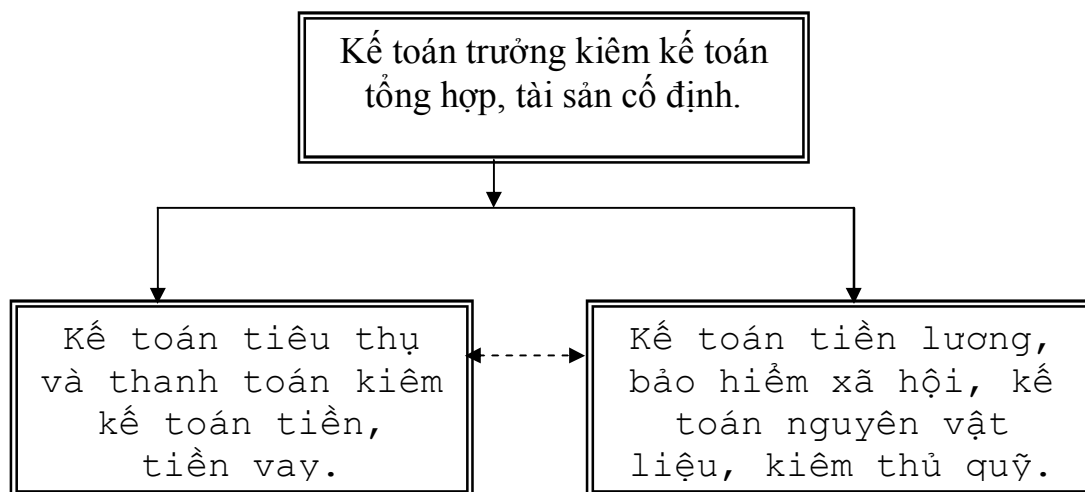
### ***1.1.3. Kế toán tiền lương và bảo hiểm xã hội.***

Đến cuối kỳ, căn cứ vào đơn giá tiền lương, bảng chấm công, phiếu sản xuất... kế toán tiền lương sẽ tính lương phải trả cho công nhân viên trong công ty và các khoản phải nộp theo lương như: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn.

Kế toán tiền lương còn kiêm kế toán nguyên vật liệu phụ, công cụ dụng cụ, theo dõi và ghi sổ chi tiết tình hình nhập, xuất, tồn kho vật liệu phụ, công cụ dụng cụ. Cuối tháng lập bảng phân bổ công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu phụ và bảng phân bổ tiền lương, các khoản trích theo lương được tập hợp theo đối tượng chi phí chuyển cho kế toán trưởng. ngoài ra kế toán tiền lương còn kiêm thủ quỹ.

Bộ máy kế toán của Công ty TNHH in Việt-Hàn được khái quát bằng sơ đồ 1 dưới đây:

**Sơ đồ 1: Tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH in Việt- Hàn.**



**Ghi chú:**

—> : Mối quan hệ chỉ đạo hoặc dây chuyền

←--> : Mối quan hệ hai chiều, đối chiếu, kiểm tra

**1.2. Đặc điểm tổ chức bộ sổ kế toán.**

Hình thức kế toán công ty áp dụng là hình thức nhật ký chung, niên độ kế toán theo năm vì đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ nhật ký mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của các nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ đó.

Đặc biệt với một doanh nghiệp nhỏ như công ty TNHH in Việt-Hàn thì việc áp dụng hình thức nhật ký chung là phù hợp với quy mô, đặc điểm sản xuất kinh

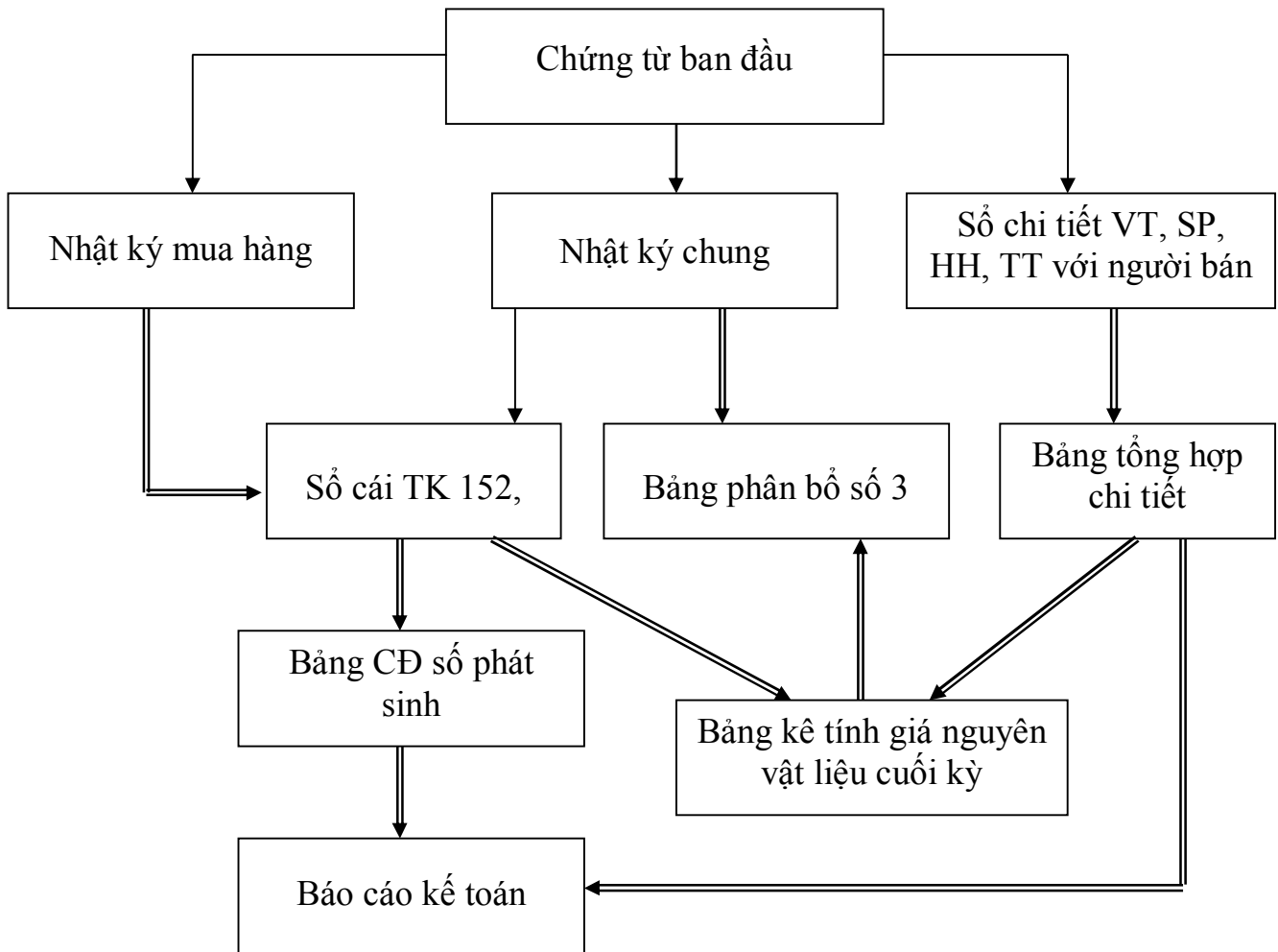
doanh, phù hợp với yêu cầu quản lý và trình độ nghiệp vụ của cán bộ máy kế toán, cũng như điều kiện trang bị những phương tiện kỹ thuật, tính toán sử lý thông tin của công ty. Mặt khác, việc vận dụng hình thức kế toán này sẽ giảm bớt khối lượng ghi chép hàng ngày, dễ làm, dễ hiểu, dễ kiểm tra và thuận tiện khi việc sử lý công tác kế toán ở công ty được thực hiện trên máy vi tính. Đồng thời còn nâng cao năng suất lao động của người làm công tác kế toán, đảm bảo cho việc tiến hành song song và đồng đều ở các khâu, số liệu kịp thời, chính xác, phục vụ cho nhu cầu quản lý.

Công tác tổ chức hạch toán tại công ty hiện nay đã được tổ chức quy củ, rõ ràng và hoạt động có hiệu quả. Với bộ máy kế toán như trên, mỗi nhân viên kế toán đều phát huy được năng lực, bảo đảm thực hiện công việc có hiệu quả, kịp thời, nhanh chóng và chính xác. Ngoài ra công ty cũng đang từng bước hoàn chỉnh công tác kế toán nhằm mở rộng quy mô sản xuất, cải thiện đời sống cán bộ, công nhân viên và giúp cho công ty vững vàng đi lên trong cơ chế thị trường, nâng cao khả năng cạnh tranh trong xu thế hội nhập.

Hàng ngày căn cứ vào những chứng từ gốc như: Phiếu sản xuất, phiếu xuất kho, phiếu nhập kho...Kế toán tiến hành ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ nhật ký chung. Đồng thời, các nghiệp vụ cũng được phản ánh vào các sổ nhật ký đặc biệt như : Nhật ký mua hàng, nhật ký chi tiền và các sổ chi tiết như: sổ chi tiết vật liệu, sổ chi tiết thanh toán. Trên cơ sở nhật ký chung và nhật ký đặc biệt, cuối kỳ kế toán ghi vào sổ cái tài khoản liên quan (TK152). Với số liệu trên các sổ chi tiết cuối kỳ kế toán tiến hành tổng hợp trên bảng tổng hợp chi tiết. Bảng tổng hợp này sẽ được đối chiếu sổ cái tài khoản để đảm bảo tính chính xác.

Căn cứ vào sổ cái, kế toán tiếp tục lập bảng cân đối phát sinh sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu giữa sổ cái với bảng tổng hợp chi tiết (Được lập từ các sổ kế toán chi tiết), kế toán tổng hợp sẽ dùng các số liệu trên bảng cân đối, số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết để lập các báo cáo tài chính.

**Quy trình hạch toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH in Việt-Hàn được khái quát bằng sơ đồ 2.**



Ghi chú:

→ : Ghi hằng ngày

⇒ : Ghi cuối tháng

### 1.3. Các chế độ và phương pháp kế toán.

Công ty TNHH in Việt-Hàn thực hiện chế độ kế toán theo quyết định số 1141 của Bộ TC/ QĐ/ CĐKT của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành ngày 01/11/1995 và các thông tư sửa đổi số 10 TC/ CĐKT thông tư số 89/ 2002/ TT-BTC ngày 9/10/2002 công ty áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên tính giá vật tư hàng hoá theo phương pháp nhập trước xuất trước, thực hiện đăng ký và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ theo định kỳ của Bộ tài chính, sử dụng đơn vị tiền tệ Việt Nam đồng.



Để phản ánh tình hình biến động tài sản, nguyên vật liệu cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ hạch toán, công ty sử dụng báo cáo tài chính lập theo quý.

- Bảng cân đối kế toán.
- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Báo cáo tài chính.

#### **1.4. Chứng từ xuất, nhập nguyên vật liệu.**

Các hoạt động nhập, xuất nguyên vật liệu thường diễn ra trong các doanh nghiệp sản xuất. Để theo dõi, quản lý tình hình biến động và hiện có của nguyên vật liệu, kế toán phải lập chứng từ cần thiết, kịp thời, đầy đủ, chính xác theo biểu mẫu qui định. Theo chế độ chứng từ kế toán quy định, ban hành theo quyết định 1141-TC/ QĐ/ CĐKT ngày 1/1/1995 của Bộ tài chính, các chứng từ kế toán nguyên vật liệu bao gồm:

- **Đối với nguyên vật liệu nhập kho:** Để hoạch toán nhập nguyên vật liệu, kế toán sử dụng các chứng từ chủ yếu sau: Hợp đồng kinh tế ký kết giữa doanh nghiệp và nhà cung cấp; hoá đơn bán hàng hoặc hoá đơn giá trị gia tăng; biên bản kiểm nghiệm vật tư; Sản phẩm, hàng hoá; phiếu nhập kho; thẻ kho. Trường hợp nguyên vật liệu mua trực tiếp từ người sản xuất không có hoá đơn thì công ty phải lập bảng kê mua hàng. Như vậy, tùy vào từng nguồn nhập mà công ty sử dụng chứng từ nhập cũng như thủ tục nhập cho phù hợp.

- **Đối với nguyên, vật liệu xuất kho:** Kế toán sẽ căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh để xuất nguyên vật liệu sử dụng; hoặc kế toán căn cứ vào quyết định xử lý đối với nguyên vật liệu thừa không rõ nguyên nhân hay ứ đọng, chậm luân chuyển và quyết định xuất dùng nội bộ công ty để tiến hành xuất nguyên vật liệu. Các chứng từ được sử dụng là: Phiếu xin lĩnh vật tư; Hoá đơn bán hàng hoặc hoá đơn giá trị gia tăng; Hợp đồng gia công; phiếu xuất kho; Phiếu xuất kho vật tư theo hạn mức; Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ. Khi tiến hành xuất nguyên vật liệu, công ty cũng cần chú ý đến từng mục đích xuất để sử dụng chứng từ xuất và thủ tục xuất cho phù hợp.

## Chương 2

### **Kế toán chi tiết nguyên, vật liệu**

#### **2.1. Đặc điểm chung về nguyên, vật liệu sử dụng**

Kế toán chi tiết nguyên, vật liệu là công việc hoạch toán kết hợp giữa kho với phòng kế toán nhằm mục đích theo dõi chặt chẽ tình hình nhập, xuất, tồn kho theo từng loại vật liệu về số lượng và giá trị. Do đó, lựa chọn và thực hiện tốt phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu là rất quan trọng.

Tại công ty TNHH in Việt-Hàn, công tác hoạch toán chi tiết nguyên vật liệu được tiến hành theo phương pháp thẻ song song. Phương pháp này rất phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Nó cung cấp cho kế toán những số liệu về tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu một cách chính xác và kịp thời.

#### **2.1.1. Phân loại nguyên, vật liệu.**

Để sản xuất ra sản phẩm nhãn mác, nguyên phụ liệu may mặc, in catalog, hoá đơn. . .theo đúng yêu cầu của khách hàng, công ty phải sử dụng một số lượng lớn nguyên vật liệu, phong phú đa dạng về chủng loại và có đủ những tiêu chuẩn về quy cách, phẩm chất. Nguyên, vật liệu chủ yếu là giấy, các loại mực. . .Ngoài ra xí nghiệp còn sử dụng các loại nhiên liệu (xăng, dầu) và các loại hoá chất. . .Do đó, việc quản lý tình hình thu mua, bảo quản và sử dụng từng loại có những đặc điểm khác nhau. Điều này đòi hỏi cán bộ quản lý và kế toán nguyên, vật liệu phải có trình độ và trách nhiệm trong công việc.

Do mỗi loại nguyên, vật liệu có chức năng, công dụng, tính chất lý hoá riêng, nên để việc quản lý có hiệu quả, nguyên, vật liệu cần phải được phân loại một cách phù hợp, công ty TNHH in Việt-Hàn, kế toán tiến hành phân loại dựa trên nội dung kinh tế, vai trò và tác dụng của từng loại nguyên vật liệu đối với quá trình sản xuất kinh doanh. Cụ thể nguyên, vật liệu được phân loại như sau:

- **Nguyên vật liệu chính:** Đây là loại vật liệu có ý nghĩa rất quan trọng trong việc cấu thành nên sản phẩm. Nó chiếm 90% kết cấu sản phẩm và khoảng 70% giá trị của sản phẩm. Vật liệu chính bao gồm:

+ Giấy và bì các loại: Giấy bãi bằng, Giấy Cutse, Giấy Tân Mai, các loại bì với các khổ giấy khác nhau.

+ Mực các loại: Mực nhũ, mực Trung Quốc, mực Nhật, mực Hàn Quốc, trong đó có các màu khác nhau như đen, đỏ, xanh, trắng.

- **Nguyên vật liệu phụ:** Bao gồm các loại vật liệu như: kẽm, dầu pha, cao su, giấy can, giấy thước kẻ, axit, axeton, gôm, đế ghim, băng dính.

Nhiên liệu: Gồm các loại vật liệu có tác dụng cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất như: xăng, dầu, mỡ.

- **Phụ tùng thay thế:** Dùng để thay thế, sửa chữa cho phụ tùng, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải. . .Nhằm đảm bảo sự an toàn, liên tục cho việc vận hành máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất. Bao gồm các loại: Tấm cao su, ốc vít, vòng bi....

Phế liệu: Gồm các thứ bị loại ra trong quá trình sản xuất kinh doanh như: Giấy lè, kẽm hỏng...

### **2.1.2. Đánh giá nguyên, vật liệu.**

#### **- Tính giá nhập kho.**

Tính giá nguyên, vật liệu nhập kho do mua ngoài.

Công ty có 3 xe vận tải được dùng chủ yếu là chở sản phẩm của công ty giao cho khách hàng. Còn nguyên, vật liệu của công ty mua, chi phí vận chuyển có thể do bên bán chi ra và chi phí này được cộng luôn vào giá mua, hoặc nếu chi phí vận chuyển do công ty thuê ngoài thì chi phí này không cộng vào giá mua mà kế toán hạch toán vào chi phí sản xuất chung, như vậy giá thực tế nguyên, vật liệu nhập kho không chính xác dẫn đến giá trị nguyên, vật liệu xuất kho để sản xuất kinh doanh cũng không chính xác.

*Ví dụ:*

Ngày 10/7/2006, công ty TNHH in Việt-Hàn tiến hành mua của công ty TNHH Đoàn Hưng 50.000 tờ Giấy Bãi Bằng khổ (84\*120), đơn giá 501,84đ/ tờ, chi phí vận chuyển 120.000đ. Cán bộ phòng kế hoạch sản xuất tiến hành kiểm tra số lượng và chất lượng của vật tư. Số vật tư trên đều đạt tiêu chuẩn nhập kho nên xí nghiệp đã ký nhận cho nhập kho.

Công thức tính:

Giá mua ngoài = Giá thực tế NVL nhập kho + chi phí vận chuyển bốc dỡ

**Giá mua ngoài = 50.000 \* 501,84 + 120.000 = 25.212.000đ**

**- Tính giá xuất kho.**

Công ty TNHH In Việt – Hàn áp dụng phương pháp Nhập trước, xuất trước để tính giá nguyên, vật liệu xuất kho. Theo phương pháp này vật liệu nào nhập trước được xuất trước, nguyên vật liệu nào nhập sau thì xuất sau. Do đó giá trị nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ được tính theo giá ở những lần nhập sau cùng.

*Ví dụ:*

Tồn đầu kỳ 30/6/2006 35.000 tờ. Ngày 15/7/06 công ty xuất kho số 45 về việc xuất giấy Bãi Bằng (84\*120) để in vé vận tải LOGITEM 20.500 tờ, đơn giá 483,8đ/tờ.

Giá trị TT NVL xuất kho = 20.500 \* 483,8 = 9.917.900đ

**2.2. Chứng từ kế toán sử dụng kế toán nguyên, vật liệu.**

Các hoạt động nhập, xuất nguyên vật liệu thường diễn ra trong các doanh nghiệp sản xuất. Để theo dõi, quản lý tình hình biến động và hiện có của nguyên vật liệu, kế toán phải lập chứng từ cần thiết, kịp thời, đầy đủ, chính xác theo biểu mẫu qui định. Theo chế độ chứng từ kế toán quy định, ban hành theo quyết định 1141-TC/ QĐ/ CĐKT ngày 1/1/1995 của Bộ Tài Chính, các chứng từ kế toán nguyên vật liệu bao gồm:

**Đối với nguyên vật liệu nhập kho:** Để hoạch toán nhập nguyên vật liệu, kế toán sử dụng các chứng từ chủ yếu sau: Hợp đồng kinh tế ký kết giữa công ty và nhà cung cấp; hoá đơn bán hàng hoặc hoá đơn GTGT; Biên bản kiểm nghiệm vật tư; Sản phẩm, hàng hoá; Phiếu nhập kho; Thẻ kho. Trường hợp nguyên vật liệu là phải lập bảng kê mua hàng. Như vậy tùy vào từng nguồn nhập mà công ty sử dụng chứng từ nhập cũng như thủ tục nhập cho phù hợp.

**Đối với nguyên, vật liệu xuất kho:** Kế toán sẽ căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh để xuất nguyên vật liệu sử dụng; hoặc kế toán căn cứ vào quyết định xử lý đối với nguyên vật liệu thừa không rõ nguyên nhân hay ứ đọng, chậm luân chuyển và quyết định xuất dùng nội bộ công ty để tiến hành xuất nguyên vật liệu. Các chứng từ được sử dụng là: Phiếu xin lĩnh vật tư; Hoá đơn bán hàng hoặc hoá đơn giá trị gia tăng; Hợp đồng gia công chế biến; phiếu xuất kho; Phiếu xuất

kho vật tư theo hạn mức; Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ. Khi tiến hành xuất nguyên vật liệu, doanh nghiệp cũng cần chú ý đến từng mục đích xuất để sử dụng chứng từ xuất và thủ tục xuất cho phù hợp.

### ***2.2.1. Chứng từ kế toán từng nguyên vật liệu.***

#### **Nhập kho do mua ngoài.**

Sản phẩm của công ty chủ yếu là in nhãn mác nguyên, vật liệu may mặc, in catalog hoá đơn, chứng từ... Chính vì thế mà vật tư chủ yếu là mua ngoài với số lượng lớn, chủng loại đa dạng. Mọi biến động tăng nguyên vật liệu đều được theo dõi chặt chẽ và hoạch toán kịp thời chính xác.

Việc thu mua nguyên vật liệu do phòng kế hoạch sản xuất đảm nhiệm. Căn cứ vào nhu cầu thực tế và loại nguyên, vật liệu, cán bộ kế hoạch phòng sản xuất sẽ tiến hành thu mua trực tiếp hoặc ký hợp đồng với các nhà cung cấp.

Khi nguyên vật liệu về đến xí nghiệp, phòng kế hoạch sản xuất tiến hành kiểm tra, đối chiếu với hoá đơn về số lượng, chất lượng, chủng loại... Xí nghiệp không thành lập ban kiểm nghiệm riêng và không sử dụng biên bản kiểm nghiệm vật tư. Nếu nguyên vật liệu đạt tiêu chuẩn thì cho phép nhập kho, nếu không sẽ thông báo cho người bán để xử lý.

Tùy theo từng nguồn cung cấp NVL và hình thức thanh toán, việc hạch toán nhập kho nguyên vật liệu do mua ngoài như sau:

Căn cứ vào các chứng từ gốc như: Hoá đơn GTGT của người bán, phiếu nhập kho, kế toán tiến hành việc ghi sổ. Kế toán thanh toán không sử dụng Sổ nhật ký mua hàng mà chỉ sử dụng Sổ chi tiết thanh toán với người bán. Sổ này sẽ theo dõi tình hình công nợ của xí nghiệp cũng như tình hình thanh toán với các nhà cung cấp. Do số lượng các nhà cung cấp của công ty không nhiều và chủ yếu là các nhà cung cấp thường xuyên, nên mỗi nhà cung cấp được theo dõi trên một sổ chi tiết riêng. Cuối tháng kế toán cộng sổ, tính ra sổ phát sinh và số dư cuối kỳ phải trả cho từng người bán, lấy số tổng cộng để lập bảng tổng hợp phải trả cho người bán. Mỗi người bán được ghi một dòng trên bảng tổng hợp phải trả người bán. Bảng tổng hợp phải trả người bán được ghi vào cuối tháng sau khi kế toán cộng các sổ chi tiết thanh toán với người bán. Số liệu của bảng này được dùng để đối chiếu với số liệu trên sổ cái Tk 331.

Ví dụ : Nhập kho NVL chính: Giấy Bãi Bằng (84\*120)

Ngày 10/7/06 công ty TNHH in Việt-Hàn tiến hành mua của công ty Đoàn Hưng 50.000 tờ giấy Bãi Bằng (84\*120) đơn giá 501,84 đồng/tờ. Trong ngày hàng đã về đến xí nghiệp cùng với một hoá đơn GTGT. Cán bộ phòng kế hoạch sản xuất tiến hành kiểm tra số lượng và chất lượng của vật tư. Số vật tư trên đều đạt tiêu chuẩn nhập kho nên xí nghiệp đã ký nhận cho nhập kho.

Căn cứ vào hoá đơn GTGT(Bảng 1) kế toán lập phiếu nhập kho (Bảng 2).

Kế toán tiến hành định khoản như sau.

Nợ TK1521 : 25.092.000

Nợ TK133 : 1.254.600

Có TK331 : 26.346.600

Mẫu hoá đơn và phiếu nhập kho được trình bày trang bên.

**Bảng 1**

<b>Hoá đơn</b>	Mẫu số: 01 GTKT – 3 LL				
<b>Giá trị gia tăng</b>	BN/2005B				
Liên 2: Giao khách hàng	No: 0017355				
<b>Ngày 10 tháng 7 năm 2006</b>					
<b>Đơn vị bán hàng:</b> ..... Công ty TNHH Đoàn Hưng.....					
<b>Địa chỉ:</b> ..... Số 15 Đặng Trần Côn – Hà Nội .....					
<b>Số</b>	<b>tài</b>				
<b>khoản:</b>					
.....					
<b>Điện thoại:</b> ..... 045146667 ..... MS: 01.00406846-1.....					
<b>Họ tên người mua hàng:</b> ..... Anh Phùng.....					
<b>Đơn vị:</b> ..... Công ty TNHH In Việt – Hàn .....					
<b>Địa chỉ:</b> ..... Số 51/57 Nguyễn Đức Cảnh – Hà Nội					
<b>Số tài khoản:</b> .....					
<b>Hình thức thanh toán:</b> ..... chuyển khoản..... MS: 05.00234905-1					
<b>STT</b>	<b>Tên hàng hoá, dịch vụ</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thành tiền</b>
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3 = 1*2</b>
1	Giấy Bãi Bằng (khổ 84*120)	Tờ	50.000	501,84	25.092.000
<b>Cộng tiền hàng:</b>					<b>25.092.000</b>
<b>Thuế suất GTGT: 5%. Tiền thuế GTGT:</b>					<b>1.254.600</b>
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>					<b>26.346.600</b>
<b>Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi sáu ngàn sáu trăm đồng %</b>					
<b>Người mua hàng</b>		<b>Người bán hàng</b>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)	

**Bảng 2:**

Đơn vị: Công ty TNHH in Việt-Hàn

Địa chỉ: 57/151 Nguyễn Đức Cảnh

Mẫu số: 01- VT

Theo QĐ số: 1141-TC/QĐ/ CĐKT

Ngày 1/1/1995 của Bộ Tài Chính

**PHIẾU NHẬP KHO**

Số : 54

Ngày 10 tháng 7 năm 2006

Nợ TK : 1521

Có TK : 331

Họ tên người giao hàng:..... Anh Phùng.....

Theo :..... Hoá đơn số 0017355 ngày 10 tháng 7 năm 2006

Nhập kho:..... Công ty TNHH in Việt-Hàn.....

ST	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Giấy Bãi Bằng (84 X 120)	IB58	Tờ	50.000	50.000	501,84	25.092.000
	<b>Cộng</b>						25.092.000

Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi lăm triệu không trăm chín mươi ngàn đồng.

Nhập, ngày 10/7/2006

**Phụ trách cung tiêu***(Ký, họ tên)***Người giao hàng***(Ký, họ tên)***Thủ kho***(ký, họ tên)***Thủ trưởng đơn vị***(ký, họ tên)*



### 2.2.2. Chứng từ kế toán giảm nguyên, vật liệu.

**Đối với nguyên, vật liệu xuất kho:** Kế toán sẽ căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh để xuất NVL sử dụng; hoặc kế toán căn cứ vào quyết định xử lý đối với NVL thừa không rõ nguyên nhân hay ứ đọng, chậm luân chuyển và quyết định xuất dùng nội bộ DN để tiến hành xuất NVL. Các chứng từ được sử dụng là: Phiếu xin lĩnh vật tư; Hoá đơn bán hàng hoặc hoá đơn giá trị gia tăng; Hợp đồng gia công chế biến; phiếu xuất kho; Phiếu xuất kho vật tư theo hạn mức; Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ. Khi tiến hành xuất NVL, DN cũng cần chú ý đến từng mục đích xuất để sử dụng chứng từ xuất và thủ tục xuất cho phù hợp. Công ty TNHH in Việt-Hàn áp dụng phương pháp Nhập trước, xuất trước để tính giá NVL xuất kho. Chính vì thế mà quá trình hạch toán tình hình biến động giảm NVL diễn ra thường xuyên, liên tục. Tại công ty, NVL được xuất kho chủ yếu để phục vụ hoạt động sản xuất của hai phân xưởng và một bộ phận sản xuất. Ngoài ra, NVL còn được xuất để phục vụ bán hàng cho nội bộ doanh nghiệp. Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như: Phiếu sản xuất, phiếu xuất kho...

**Đối với NVL xuất cho sản xuất sản phẩm:** kế toán sử dụng các chứng từ đó là phiếu sản xuất, Dự trữ xuất vật tư do phân xưởng sản xuất lập và phiếu xuất kho do kế toán lập. Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ này, kế toán tiến hành định khoản và ghi vào sổ nhật ký chung các nghiệp vụ xuất cho NVL sản xuất.

*Ví dụ:*

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 45 (Bảng 3) ngày 15/7/06 về việc xuất giấy Bãi Bằng (84 X 120) xuất kho 20.500 Tờ để in vé vận tải LOGITEM, đơn giá 83,8đ/tờ. Kế toán định khoản và ghi vào sổ nhật ký chung như sau:

Nợ TK 621       :9.917.900

Có TK 1521      :9.817.900

Mẫu phiếu xuất kho:

**Bảng 3:**

Đơn vị: Công ty TNHH In Việt – Hàn

Mẫu số 02-VT

Địa chỉ :57/151 Nguyễn Đức Cảnh

Theo QĐ số :1141-TC/ QĐ/ CĐKT

Ngày 1/1/1995 của Bộ Tài Chính

**PHIẾU XUẤT KHO**

Số: 45

Ngày 15 tháng 7 năm 2006

Nợ TK :621

Có TK :1521

Họ và tên người nhận hàng:..... Anh Sinh.....

Địa chỉ (Bộ phận)..... Máy Ry ôby.....

Lý do xuất kho:..... In vé vận tải LOGITEM.....

Xuất tại kho:..... Công ty TNHH In Việt - Hàn.....

ST	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Giấy Bãi Bằng (84 * 120)	IB58	Tờ	20.500	20.500	483,8	9.917.900
	<b>Cộng</b>						<b>9.917.900</b>

Xuất, ngày 15 tháng 7 năm 2006

<b>Phụ trách bộ phận sử dụng</b> (Ký, họ tên)	<b>Phụ trách cung tiêu</b> (Ký, họ tên)	<b>Người nhận</b> (Ký, họ tên)	<b>Thủ kho</b> (Ký, họ tên)	<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, họ tên)
--	--	---------------------------------------	------------------------------------	--

**Đối với NVL xuất phục vụ chung cho phân xưởng, cho bán hàng và nội  
bộ xí nghiệp:**

Kế toán cũng căn cứ vào phiếu xin lĩnh vật tư của các bộ phận có nhu cầu và phiếu xuất kho để ghi vào sổ nhật ký chung. Sau đó kế toán sẽ tiến hành phân bổ giá trị NVL xuất dùng vào chi phí

*Ví dụ:*

- Căn cứ vào phiếu xuất kho Số 49 ngày 16/7/2006 về việc xuất thép đóng sách cho phân xưởng, kế toán định khoản và ghi sổ như sau :

Nợ TK : 6.185.950

Có TK : 6.185.950

- Căn cứ vào phiếu xuất kho số 50 ngày 17/3/2006 về việc xuất giấy poluyaTQ (79\*109) cho phòng tổ chức- Hành chính, kế toán định khoản và ghi sổ như sau:

Nợ TK 642 :80.000

Có TK 1521 :80.000

### **2.3. Kế toán cho tiết nguyên, vật liệu.**

Hạch toán chi tiết NVL là công việc hạch toán kết hợp giữa kho và phòng kế toán nhằm mục đích theo dõi chặt chẽ theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho theo từng loại vật liệu về số lượng, chất lượng và giá trị. Do đó lựa chọn và thực hiện tốt phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu là rất quan trọng. Tại doanh nghiệp, công tác hạch toán chi tiết NVL được tiến hành theo phương pháp thẻ song song. Phương pháp này rất phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của xí nghiệp. nó cung cấp cho kế toán những số liệu về tình hình nhập, xuất, tồn NVL một cách chính xác và kịp thời.

#### **2.3.1. Kế toán chi tiết tại kho.**

Thủ kho sử dụng thẻ kho (bảng 4,5) để theo dõi về mặt số lượng NVL Nhập, xuất, tồn. Thẻ kho được mở cho từng nhóm NVL là những vật tư có cùng nhãn hiệu, quy cách như: Giấy Bãi Bằng, Giấy poluya, Giấy custe....Phòng kế toán lập thẻ và ghi vào các chỉ tiêu, tên vật tư, nhãn hiệu, quy cách, đơn vị tính sau đó giao cho thủ kho ghi chép.

Hàng ngày, khi nhận được các chứng từ nhập, xuất vật liệu, thủ kho kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp của từng chứng từ rồi tiến hành nhập, xuất NVL. Sau đó phân loại, sắp xếp theo từng loại NVL để ghi vào thẻ kho theo số thực tế. Mỗi

nghiệp vụ NVL phát sinh sẽ được ghi một dòng trên thẻ kho. Cuối ngày, thủ kho tính ra số lượng tồn kho và ghi vào cột tồn trên thẻ kho. Định kỳ thủ kho chuyển các chứng từ nhập, xuất đã được phân loại cho kế toán NVL liên quan. Đến cuối tháng, thủ kho tính số tồn về số lượng của từng NVL trên các thẻ kho và đối chiếu với sổ chi tiết vật liệu do kế toán lập.

Mẫu thẻ kho như sau:(trang bên)

**Bảng 4:**

Đơn vị: Công ty TNHH In Việt – Hàn

Mẫu số: 06- VT

Địa chỉ :57/151 Nguyễn Đức Cảnh

QĐ số: 1141- TC/QĐ/CĐKT

Ngày 1/1/1995 của Bộ tài Chính

**Thẻ kho**

Ngày lập thẻ: Ngày 01 tháng 7 năm 2006

Tờ số: 03

Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư: Giấy Bãi Bằng (84\*120).....

Đơn vị tính: Tờ.....

Mã số: 1B58.....

STT	Chứng từ		Diễn giải	ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của KT
					Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	1	2	3	F
			Tồn đầu tháng 6				35.000	
1	PN54	10/7	Mua NVL	10/7	50.000			
2	PN61	13/7	Mua NVL	13/7	75.000			
3	PX45	15/7	In vé vận tải LOGTEM	15/7		20.500		
4	PX47	16/7	In nhãn dẹt	16/7		17.000		
5	PX48	17/7	In phiếu cấp VTCT	17/7		17.000		
6	PX55	18/7	In sách VHNT	18/7		18.000		
7	PX57	21/7	In tạp chí an toàn LĐ	21/7		17.000		
			Cộng phát sinh		125.000	89.5000		
			Tồn cuối tháng 6				70.5000	

**2.3.2 Kế toán chi tiết tại phòng kế toán.**

Kế toán vật liệu mở sổ chi tiết vật liệu (Bảng 5) để ghi chép tình hình nhập, xuất kho NVL theo chỉ tiêu số lượng và thành tiền. Sổ này cũng được mở cho từng

NVL tương ứng với thẻ kho. Tại Công ty TNHH In Việt- Hàn , kế toán trưởng theo dõi nguyên, vật liệu chính (Giấy), kế toán tiền lương theo dõi và nguyên vật liệu phụ. Khi nhận được chứng từ nhập, xuất kho do thủ kho chuyển lên, kế toán nguyên, vật liệu tiến hành kiểm tra, đối chiếu, xác định đơn giá và tính ra thành tiền để ghi vào chứng từ cũng như sổ chi tiết nguyên, vật liệu liên quan. Đến cuối tháng, kế toán tính ra số tồn cả về số lượng và giá trị cho từng loại nguyên, vật liệu trên sổ chi tiết, sau đó sẽ đối chiếu với thẻ kho về số lượng và đối chiếu với kế toán tổng hợp về giá trị, nếu có chênh lệch sẽ tìm ra nguyên nhân và điều chỉnh.

Mẫu sổ chi tiết được trình bày ở trang sau:

**Bảng 5:**

Đơn vị Công ty TNHH In Việt – Hàn

**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU**

Tháng 7 năm 2006

Tài khoản: 152- chi tiết TK 1521

Tên vật liệu:.....Giấy Bãi Bằng..... Đơn vị tính.....Tờ.....

Quy cách, phẩm chất.....84\*120..... Mã số.....1B58.....

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
S	NT			483,8	lượng	tiền	lượng	tiền	lượng	tiền	
H									g		
54	10/7	Mua NVL	331	501,84	50.00	25.092.000					
61	13/7	Mua NVL	111	488,5	75.00	36.637.000					
45	15/7	In vé vận tải LOGIT EM	621	483,8			20.500	9.917.900			
47	16/7	In nhãn mác	621	483,8			14.500	7.015.100			
				501,84			2.500	1.254.600			
48	17/7	In phiếu cấp vật tư CTITC	621	501,84			17.000	8.531.280			
55	18/7	In sách VHNT	621	501,84			18.000	9.033.120			

57	21/ 7	In tạp chí an toàn LĐ	621	501,8 4			12.50 0	6.273. 000			
				488,5			4.500 0	2.198. 250			
		Cộng phát sinh		125.0 00		61.729. 500	89.50 0	44.223. 250			
		Tồn cuối tháng		488,5					70.5 00	34.439. 250	

Ngày 31/7/2006

**Kế toán ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

Sổ chi tiết nguyên, vật liệu tại công ty TNHH In Việt – Hàn sử dụng theo đúng mẫu của Bộ tài chính ban hành. Sổ được đóng thành quyển, theo dõi lần lượt cho từng loại nguyên, vật liệu, bắt đầu từ nguyên vật liệu chính. Do xí nghiệp có rất nhiều loại nguyên vật liệu nên mỗi quyển chỉ theo dõi cho một tháng. Cuối tháng, căn cứ số liệu trên sổ chi tiết vật liệu kế toán lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu (bảng 6). Mỗi loại nguyên, vật liệu được ghi trên một dòng của bảng tổng hợp theo cả chỉ tiêu số lượng và giá trị. Số liệu trên Bảng tổng hợp Nhập, xuất, tồn được dùng để đối chiếu với số liệu trên sổ cái TK 152. cụ thể: dòng tổng cộng tồn đầu kỳ, nhập trong kỳ, xuất trong kỳ, và tồn cuối kỳ.

Bảng tổng hợp nhập- xuất- tồn của xí nghiệp cũng được lập cho từng tháng, Bảng tổng hợp nhập- Xuất- tồn nguyên vật liệu chính theo dõi tổng hợp cho tất cả các loại nguyên vật liệu chính như: giấy và mực. Bảng tổng hợp nhập -xuất- tồn nguyên vật liệu phụ theo dõi tổng hợp cho tất cả các loại nguyên liệu phụ như: kềm, giấy thước kẻ, ghim.....

Mẫu bảng tổng hợp được trình bày như sau:



**Bảng 6**

Đơn vị : Công ty TNHH In Việt – Hàn

**BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN NGUYÊN VẬT LIỆU CHÍNH**

Tháng 7 năm 2006

TT	Tên vật tư	Tồn đầu kỳ		Nhập		Xuất		Tồn	
1	Giấy poluya (70X109)	24.268	13.128.988.	2.400	1.298.400	19.138	10.353.658	7.530	4.073
2	Cutse 150g/m	12.569	15.256.789	-	-	10.467	12.705.292	2.102	2.551
3	giấy Bãi Bằng (84X120)	35.000	16.933.000	125.000	61.729.500	89.500	44.223.250	70.500	34.43
	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
.	Tổng giấy		211.940.567		72.857.500		155.684.668		129.1
	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
17	Mực đen TQ	262.5	8.949.195	5	176.250	122.5	4.014.195	145	5.111
18	Mực đen HQ	17	1.835.914	30	3.270.000	5	540.910	42	4.565
	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
	tổng mực		19.650.393		11.493.235		9.351.224		21.79
	Tổng cộng		231.590.969		84.350.735		165.035.892		150.9

Ngày 31 tháng 6 năm 2006

**Kế toán ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

### **Chương 3**

#### **K ế toán tổng hợp nguyên, vật liệu**

##### **3.1. Tài khoản sử dụng**

Căn cứ vào tình hình sử dụng và quản lý NVL, tài khoản này được xí nghiệp mở chi tiết thành 2 tài khoản cấp 2 sau:

+TK1521: nguyên liệu chính–theo dõi sự biến động của các vật liệu chính là giấy và mực.

+ TK1522: nguyên liệu phụ -theo dõi sự biến động của các loại NVL khác như: vật liệu phụ, nhiên liệu và phụ tùng thay thế.

- TK331 phải trả cho người bán

- TK133: thuế GTGT được khấu trừ

- Ngoài ra, công ty còn sử dụng các tài khoản liên quan khác như: TK111, TK112, TK141, TK621, TK627,TK642...

- công ty không sử dụng TK151-Hàng mua đi đường trong hạch toán

##### **3.2. Kế toán tổng hợp tăng nguyên, vật liệu**

Căn cứ vào các chứng từ gốc như: Hoá đơn GTGT của người bán, phiếu nhập kho, kế toán tiến hành việc ghi sổ. Kế toán thanh toán không sử dụng Sổ nhật ký mua hàng mà chỉ sử dụng Sổ chi tiết thanh toán với người bán. Sổ này sẽ theo dõi tình hình công nợ của xí nghiệp cũng như tình hình thanh toán với các nhà cung cấp. Do số lượng các nhà cung cấp của công ty không nhiều và chủ yếu là

các nhà cung cấp thường xuyên, nên mỗi nhà cung cấp được theo dõi trên một sổ chi tiết riêng. Cuối tháng kế toán cộng sổ, tính ra sổ phát sinh và số dư cuối kỳ phải trả cho từng người bán, lấy số tổng cộng để lập bảng tổng hợp phải trả cho người bán. Mỗi người bán được ghi một dòng trên bảng tổng hợp phải trả người bán. Bảng tổng hợp phải trả người bán được ghi vào cuối tháng sau khi kế toán cộng các sổ chi tiết thanh toán với người bán. Số liệu của bảng này được dùng để đối chiếu với số liệu trên sổ cái Tk 331.

Sổ chi tiết thanh toán với người bán – chi tiết cho công ty TNHH Đoàn Hưng (Vi dụ chứng từ kế toán tăng nguyên vật liệu)

**Bảng 7:**

Sổ chi tiết thanh toán với người bán

Tháng 7 năm 2006

Đối tượng : Công ty TNHH Đoàn Hưng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ					7.910.735
		.....					
89	7/7	Thanh toán HĐ 17327	112	17.450.320			
54	10/7	Mua giấy BB(84X120)	1521		25.92.000		
		HĐ17355,VAT5%	133		1.254.600		
55	20/7	Thanh toán HĐ17355	111	26.346.600			
		.....		.....			
		Cộng PS		48.765.453	61.304.813		
		Số dư cuối kỳ					20.450.095

Ngày 31 tháng 7 năm 2006

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Kế toán ghi sổ**

(Ký, họ tên)

Cuối tháng kế toán lấy số liệu từ sổ chi tiết thanh toán với người bán để ghi vào bảng tổng hợp phải trả người bán.

**Bảng 9:****BẢNG TỔNG HỢP PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN**

Tháng 7 năm 2006

Số TT	Tên người bán	Dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Cty Giấy Poluya		12.351.786	10.417.563	15.554.133		17.488.356
2	Cty SPM		0	12.455.040	12.455.040		0
3	Cty Đoàn Hưng		7.910.735	48.765.453	61.304.813		20.450.095
...	.....						
	<b>Cộng</b>		45.116.858	388.089.440	758.695.280		415.722.698

Ngày 31 tháng 7 năm 2006

**Kế toán ghi sổ***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)*

Khi phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến thanh toán, kế toán thanh toán căn cứ vào các chứng từ như: hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho, phiếu chi tiền mặt, giấy báo nợ của ngân hàng... để ghi sổ Nhật ký chi tiền được mở riêng cho chi tiền mặt và chi tiền gửi ngân hàng. Đây là một loại sổ nhật ký đặc biệt, xí nghiệp dùng để theo dõi tình hình mua NVL, hàng hoá thanh toán ngay và tình hình thanh toán các khoản phải trả cho người bán.

*Ví dụ:*

Ngày 13/7/2006 Công ty in Việt – Hàn mua của công ty TNHH Đoàn Hưng 75.000 tờ giấy Bãi Bằng khổ 84X120, Hoá đơn GTGT số 007152. Số vật tư này đều đạt tiêu chuẩn nhập kho nên xí nghiệp đã đăng ký nhận cho nhập kho và thanh toán toàn bộ tiền hàng bằng tiền mặt.

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 007152, phiếu chi tiền mặt số 52 ngày 13/7/06, phiếu nhập kho số 61 về giấy BB mua của công ty ĐH, số tiền là 38.469.375 đồng (trong đó thuế GTGT 1.831.875 đồng), kế toán định khoản và ghi sổ Nhật ký chi tiền mở cho chi tiền mặt như sau.

Nợ TK 1521: 36.637.500

Nợ TK133: 1.831.875

Có TK 111: 38.469.375

**Bảng 10:**

SỔ NHẬT KÝ CHI TIÊN

Tháng 07 năm 2006

TK 111 - Tiền mặt

(Đơn vị tính: đồng)

Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK111	Ghi nợ các TK				Ghi chú
SH	NT			1521	1522	331	133	
50	8/7	Mua giấy cutse	27.570.858	25.257.960			1.312.898	
51	10/7	Mua mực TQ	18.793.215	17.898.300			894.915	
51	13/7	Mua giấy BB	38.469.375	36.637.500			1.831.875	
55	20/7	TT hoá đơn 0017355	26.346.600			26.346.600		
		tổng cộng	111.180.048	78.793.760		26.346.600	4.039.688	

Ngày 31 tháng 07 năm 2005

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Kế toán ghi sổ**

(Ký, họ tên)

*Ví dụ:*

Ngày 15/ 7/2006, xí nghiệp in Việt - Hàn mua của công ty TNHH Minh Trí 3 cuộn giấy thước kẻ theo hoá đơn số 024516, số tiền là 472.500 đồng, trong đó thuế GTGT là 22.500. Xí nghiệp đã thanh toán toàn bộ tiền hàng bằng chuyển khoản.

Căn cứ vào giấy báo nợ số 20 ngày 15/7/2006, phiếu nhập kho số 45, hoá đơn GTGT số 024516, kế toán định khoản và ghi vào sổ nhật ký chi tiền được mở cho chi tiền gửi ngân hàng (Bảng 11) như sau:

Nợ TK 1522 : 450.000  
 Nợ TK 133 : 22.500  
 Có TK112 : 472.500

**Bảng 11:**

SỔ NHẬT KÝ CHI TIỀN

Tháng 07 năm 2006

TK 112 - Tiền gửi ngân hàng

(Đơn vị tính: đồng)

Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 112	Ghi nợ các TK				
SH	NT			1521	1522	331	133	...
18	7/7	Thanh toán HĐ số 17327	17.450.320			17.450.320		
19	10/3	Mua kẽm 55*65	13.721.610		13.068.200		653.410	
20	15/7	Mua giấy thước kẻ	472.500		450.000		22.500	
	....	...	.....	..	.....	.....	.....	.
		<b>Tổng cộng</b>	<b>31.644.430</b>		<b>13.518.200</b>	<b>17.450.320</b>	<b>675.910</b>	

Ngày 31 tháng 07 năm 2006

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Kế toán ghi sổ**

(Ký, họ tên)

Các nghiệp phát sinh trong tháng được kế toán ghi chép đầy đủ trên sổ nhật ký chung (Bảng 12)

**Bảng 12:**

Đơn vị: Công ty TNHH In Việt – Hàn

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Trang: 20

(Đơn vị tính: đồng)

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK	Số Phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
			Trang trước chuyển sang			8.607.675	8.607.675
10/7	PN 54	10/7	Mua giấy BB 84*120	x	1521	25.092.000	
			theo hoá đơn số	x	133	1.254.600	
			BN/2005B.0017355	x	331		26.346.600
13/7	PN 61	13/7	Mua giấy BB 84*120	x	1521	36.637.500	
			theo hoá đơn số	x	133	1.831.875	
	PC52		BN/2005B,007152	x	111		38.469.375
15/7	PN45	15/7	mua giấy thước kẻ theo hoá đơn	x	1522	450.000	
			Số BN/ 2005B, 024516	x	133	22.500	
	BN20			x	112		472.500
15/7	PX45	15/7	Xuất giấy BB84*120	x	621	9.917.900	
			In vé vận tải	x	1521		9.917.900
			Cộng chuyển sang trang sau			83.814.050	83.814.050

Ngày 31 tháng 07 năm 2006

**Kế toán trưởng**

**Kế toán ghi sổ**



(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
16/7	PX49	16/7	Xuất thép đóng sách cho	x	621	6.185.950	
			phân xưởng	x	1522		6.185.950
17/7		17/7	Xuất giấy poluya cho phòng	x	642	80.000	
			tổ chức hành chính	x	1521		80.000
20/7		20/7	Thanh toán hoá đơn số 0017355	x	331	26.346.600	
				x	111		26.346.600
			.....				
31./7		31/7	Kiểm kê phát hiện thừa 5 kg		1521	176.250	
			Mực đen Trung Quốc		3381		176.250
			Cộng phát sinh tháng 7			986.235.254	986.235.254

Ngày 31 tháng 07 năm 2006

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Kế toán ghi sổ**

(Ký, họ tên)

Cuối tháng căn cứ vào Nhật ký chung, kế toán tiến hành ghi vào sổ cái các tài khoản liên quan với NVL, kế toán theo dõi trên sổ cái TK 152 (Bảng 13) Sổ cái TK 621 ( bảng 14) . Sổ cái sẽ cung cấp thông tin tổng cộng như trong tháng nhập mua NVL thanh toán ngay là bao nhiêu, công nợ là Bao nhiêu, xuất dùng cho sản xuất, cho nội bộ ,cho bán hàng với số lượng như thế nào? Sổ cái cũng là cơ sở để kế toán đối chiếu với số liệu trên Bảng tổng hợp nhập - xuất – tồn.

**Bảng 13:**

Đơn vị: Công ty TNHH In Việt – Hàn

**Sổ Cái**

Tên tài khoản :nguyên, vật liệu

Ký hiệu :152

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Trang NKC	TK đối ứng	Số tiền	
	Số	NT				Nợ	Có
			Số dư đầu tháng			281.169.068	
			.....				
10/7	PN54	10/7	Mua giấy BB 84*120	20	331	25.092.000	
			.....				
13/7	PN61	13/7	Mua giấy BB 84*120	20	111	36.637.500	
			.....				
15/7	PX45	15/7	Xuất giấy BB84*120		621		9.917.900
16/7	PX47	16/7	Xuất giấy BB 84*120		621		8.269.700
			.....				
31/7	BBKK	31/7	Kiểm kê phát hiện thừa		3381		
			.....				

			Cộng phát sinh			92.057.135	183.523.98
			Số dư cuối kỳ			189.702.218	

Ngày 31 tháng 07 năm 2006

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Kế toán ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Bảng 14:**

Đơn vị: Công ty TNHH In Việt – Hàn

Sổ Cái

Tên tài khoản: Chi phí nguyên, vật liệu

Ký hiệu: 621

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Trang NKC	TK đối ứng	Số tiền	
	Số	NT				Nợ	Có
			.....				
9/7	PX57	9/7	Xuất giấy thước kẻ in sách VHNT	20	152	150.000	
15/7	PX45	15/7	xuất giấy BB in vé vận tải	20	152	9.917.900	
16/7	PX47	16/7	Xuất giấy BB in nhãn mác	20	152	8.269.700	
16/7	PX60	16/7	xuất giấy thước kẻ in sách VHNT	20	152	150.000	
			.....				
31/7	BPBVL	31/7	Kết chuyển CP NVLTT		154		181.845.94 8
			.....				

			Cộng phát sinh			181.845.94 8	181.845.94 8
--	--	--	-------------------	--	--	-----------------	-----------------

Ngày 31 tháng 07 năm 2006

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

### 3.3. Kế toán tổng hợp giảm nguyên, vật liệu

**Bảng 15:**

Công ty TNHH In Việt – Hàn

**BẢNG PHÂN BỐ VẬT LIỆU**

Tháng 07 năm 2006

STT	TK ghi có TK ghi nợ	TK 152		Tổng cộng
		1521	1522	
I	TK 621- CP NVL TT	164.470.528	17.375.420	181.845.948
II	TK 627 –CP SXC	485.364	1.056.218	1.541.582
iii	TK 641- CP BH	-	-	
IV	TK 642- CP QLDN	80.000	56.455	136.455
	Cộng	165.035.892	18.488.093	183.523.985

Trên đây là khái quát chung về tình hình, phát triển, cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ và công tác hạch toán NVL của công ty TNHH In Việt – Hàn. Doanh nghiệp đã tổ chức bộ máy hoạt động theo hình thức tập trung phù hợp với quy mô, đặc điểm và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp



## KẾT LUẬN

Trong doanh nghiệp sản xuất, NVL đóng vai trò hết sức quan trọng. Chi phí NVL chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, nên nó cũng là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận thu được của doanh nghiệp. Đó chính là lý do vì sao mọi doanh nghiệp sản xuất đều chú trọng đến hạch toán NVL. Việc quản lý NVL hợp lý sẽ góp phần tiết kiệm NVL, giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm để nâng cao sức cạnh tranh cho doanh nghiệp. Không những thế, hạch toán tốt NVL sẽ đảm bảo cung cấp NVL một cách kịp thời cho sản xuất, đồng thời kiểm tra chặt chẽ việc chấp hành các định mức dự trữ và tiêu hao vật liệu, giảm thiểu việc sử dụng lãng phí vật liệu trong sản xuất.

Qua quá trình thực tập tại công ty TNHH In TNHH Việt –Hàn do còn hạn chế về thời gian và kiến thức thực tế còn chưa sâu nên bản báo cáo của em chỉ mới đi vào nghiêm cứu một số vấn đề cơ bản , chủ yếu.Từ đó đã nêu nên được những ưu điểm và cố gắng của công ty trong việc từng bước hoàn thiện công tác kế toán để đáp ứng được yêu cầu quản lý ngày càng cao trong giai đoạn hiện nay.Tuy nhiên bên cạnh những ưu điểm cần phát huy thì cũng có một số hạn chế nhất định cần phải khắc phục và hoàn thiện.

## Mục lục

Lời giới thiệu.....	1
<u>Chương 1</u>	
Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH in Việt -Hàn.....	3
1.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán. ....	3
1.1.1. Kế toán trưởng. ....	3
1.1.2. Kế toán tiêu thụ và theo dõi thanh toán. ....	4
1.1.3. Kế toán tiền lương và bảo hiểm xã hội. ....	4
1.2. Đặc điểm tổ chức bộ sổ kế toán.....	5
1.3. Các chế độ và phương pháp kế toán. ....	8
1.4. Chứng từ xuất, nhập nguyên vật liệu. ....	8
<u>Chương 2</u>	
Kế toán chi tiết nguyên, vật liệu.....	10
2.1. Đặc điểm chung về nguyên, vật liệu sử dụng .....	10
2.1.1. Phân loại nguyên, vật liệu. ....	10
2.1.2. Đánh giá nguyên, vật liệu.....	11
2.2. Chứng từ kế toán sử dụng kế toán nguyên, vật liệu. ....	12
2.2.1. Chứng từ kế toán từng nguyên vật liệu.....	13
2.2.2. Chứng từ kế toán giảm nguyên, vật liệu. ....	17
2.3. Kế toán cho tiết nguyên, vật liệu. ....	19
2.3.1. Kế toán chi tiết tại kho. ....	19
2.3.2 Kế toán chi tiết tại phòng kế toán. ....	21
<u>Chương 3</u>	
Kế toán tổng hợp nguyên, vật liệu .....	26
3.1. Tài khoản sử dụng .....	26
3.2. Kế toán tổng hợp tăng nguyên, vật liệu .....	26
3.3. Kế toán tổng hợp giảm nguyên, vật liệu .....	35
KẾT LUẬN.....	36

